

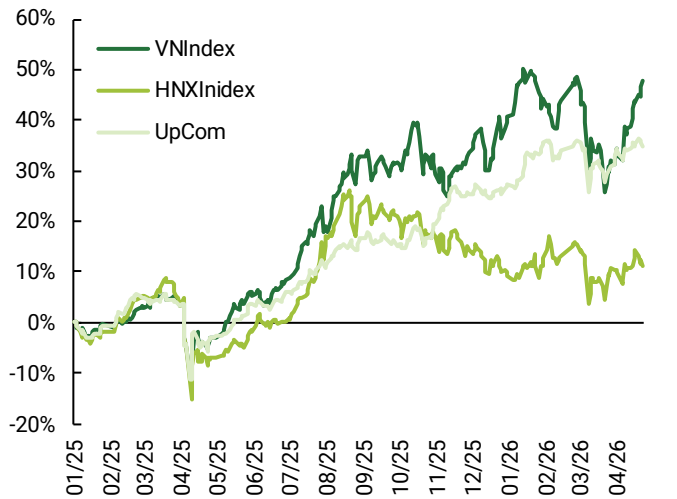
VN-Index **1870.36 (0.70%)**
1094 Tr. cổ phiếu 29406.2 Tỷ VND (34.69%)

HNX-Index **253.23 (-0.83%)**
77 Tr. cổ phiếu 1440.2 Tỷ VND (0.35%)

UPCOM-Index **128.31 (-0.43%)**
43 Tr. cổ phiếu 617.9 Tỷ VND (24.75%)

VN30F1M **2019.20 (-1.05%)**
348,345 HD OI: 32,253 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1870.4, tăng +13.1 điểm (+0.70%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
 - **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Ngân hàng quốc doanh trở lại nâng đỡ nhưng chưa tạo được lan tỏa. Dòng tiền tiếp tục phân hóa với các bước tăng riêng lẻ, trong khi áp lực điều chỉnh chi phối rộng hơn.
 - Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+3.5%), SJS (+5.1%) | Ngân hàng: BID (+3.4%), VCB (+5.7%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+7.0%) | Xây dựng và Vật liệu: VCG (+4.9%), CTD (+6.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: TV2 (-4.6%), VSC (-4.1%), GEX (-3.4%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: REE (-4.0%), NT2 (-3.0%) | Hóa chất: DPM (-3.6%), DCM (-3.2%) | Dịch vụ tài chính: EVF (-4.8%), ORS (-1.9%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VCB, BID, CTG, SAB - Chiều giảm | VHM, BSR, HPG, MWG, STB
- Khối ngoại Bán ròng gần 1600 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, ACB, VHM, trong khi mua ròng PVT, VNM, DCM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** có dấu hiệu chứng lại tại vùng cản 1880 điểm với mẫu hình nến pin bar cùng thanh khoản gia tăng, cho thấy cung bán chi phối mạnh trên vùng cao. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI cũng đang tiếp cận mức quá mua 70, hàm ý động lượng tăng có thể hạ nhiệt. Điểm đáng chú ý, phần trăm số cổ phiếu trên MA20 ngày đã giảm về dưới ngưỡng trung bình, phát tín hiệu đà lan tỏa tiếp tục thu hẹp. Trong bối cảnh này, chỉ số có thể tăng theo quán tính nhờ lực kéo từ các mã trụ; tuy nhiên, xu hướng đi lên sẽ khó bền vững và rủi ro đảo chiều vẫn hiện hữu nếu độ rộng thị trường không cải thiện, qua đó làm gia tăng khả năng quay lại kiểm định vùng 1800 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Hammer, cho thấy lực cầu hỗ trợ cận ngưỡng 250 điểm. Tuy nhiên, động lực bật tăng chưa đủ mạnh, vận động khả năng còn rung lắc củng cố thêm quanh vùng 252 – 258.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ, tránh mua thêm bình quân khi giá giảm. Mặt bằng cổ phiếu đang trở về kiểm định nền giá ngắn hạn, chỉ nên xem xét gia tăng tỷ trọng khi có tín hiệu phục hồi kèm thanh khoản xác nhận. Ngược lại, trong trường hợp xuất hiện dấu hiệu sập gãy hỗ trợ, cần chủ động hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm: Ngân hàng, Tiêu dùng, Đầu tư công và Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi CTD (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,870.4	0.7%	2.8%	17.5%	29,406.2	34.7%	5.2%	0.3%	1,093.9	38.7%	9.2%	-1.0%
HNX-Index	253.2	-0.8%	-1.3%	6.6%	1,440.2	0.4%	13.4%	-17.6%	77.0	-4.1%	13.9%	-20.1%
UPCOM-Index	128.3	-0.4%	0.1%	5.8%	617.9	24.8%	34.0%	-27.8%	43.3	77.6%	92.4%	-7.8%
VN30	2,024.7	0.0%	2.3%	16.3%	16,218.0	46.2%	-2.3%	-1.2%	429.5	60.7%	-11.2%	-12.9%
VNMID	2,212.4	-0.8%	-1.2%	9.5%	10,903.5	20.7%	14.1%	5.6%	482.4	30.3%	13.0%	1.6%
VNSML	1,407.3	-0.3%	-0.6%	4.4%	1,512.9	75.1%	50.0%	-0.7%	97.0	67.8%	49.7%	-5.6%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	644.0	1.5%	0.13%	5.1%	9,411.6	99.53%	64.1%	42.6%	341.9	76.1%	36.0%	20.2%
Bất động sản	987.8	1.8%	12.4%	44.0%	5,441.3	11.9%	8.0%	18.7%	154.4	20.0%	16.8%	-4.0%
Dịch vụ tài chính	311.7	-0.6%	-3.0%	3.7%	3,378.6	54.7%	1.9%	-5.1%	173.6	82.5%	21.6%	9.6%
Công nghiệp	270.0	-1.0%	-1.3%	7.4%	1,935.4	-30.6%	42.8%	40.1%	58.1	-41.7%	41.6%	52.1%
Tài nguyên cơ bản	544.6	-1.3%	0.3%	8.3%	1,342.4	43.7%	-4.8%	2.5%	54.6	40.5%	-4.2%	0.3%
Xây dựng - Vật Liệu	178.8	0.2%	-1.7%	2.7%	2,035.5	121.4%	77.4%	32.9%	93.4	99.0%	69.0%	26.9%
Thực phẩm	509.9	0.4%	-7.7%	-32.1%	1,563.5	32.0%	8.8%	14.7%	37.5	31.0%	12.9%	14.3%
Bán Lẻ	1,559.1	-2.1%	5.8%	7.4%	659.5	-33.8%	-38.4%	-27.0%	8.8	-27.7%	-36.1%	-27.8%
Công nghệ	401.9	-0.4%	-0.7%	0.0%	605.5	-7.2%	-20.7%	-15.9%	8.7	-7.1%	-23.0%	-18.1%
Hóa chất	179.1	-1.2%	-0.2%	4.8%	720.6	27.1%	24.3%	-12.1%	20.7	40.5%	33.9%	-6.0%
Tiện ích	741.3	-1.2%	-0.8%	-3.2%	637.9	75.5%	67.1%	9.1%	32.2	73.8%	83.0%	31.5%
Dầu khí	103.6	-2.3%	-1.3%	-7.4%	744.3	120.2%	65.1%	2.1%	26.0	134.9%	74.1%	9.3%
Dược phẩm	418.3	-0.5%	-1.5%	-3.8%	107.7	237.6%	182.1%	99.7%	3.3	146.2%	129.2%	76.7%
Bảo hiểm	110.5	0.2%	-3.8%	-5.5%	80.8	97.9%	32.3%	0.1%	1.6	69.8%	25.3%	-8.1%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,870.4	0.70%	4.8%	17.2x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,461	-1.24%	16.0%	16.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,379	-2.16%	-14.7%	17.7x	2.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,706	0.70%	3.3%	16.7x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,984	-0.10%	-1.1%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,093	-0.32%	3.1%	17.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,915	-0.95%	1.1%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,140	-0.75%	17.5%	23.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,138	1.05%	4.3%	28.0x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	49,490	0.69%	3.0%	24.6x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,390	-0.82%	4.6%	16.7x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,868	-0.65%	1.3%	17.2x	2.5x
DXY		98.8	0.39%	0.5%		
USDVND		26,328	0.00%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

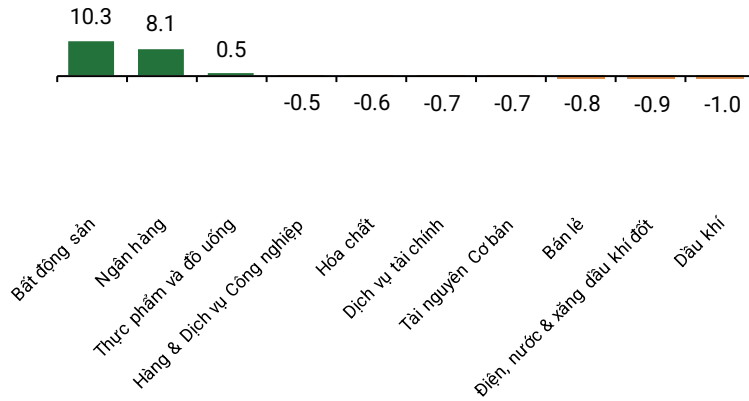
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.6%	3.6%	70.2%	56.6%
Dầu WTI	▲	1.7%	7.3%	64.7%	51.9%
Khí gas	▼	0.0%	-5.9%	-26.2%	-10.0%
Than cốc (*)	▬	0.0%	7.2%	3.5%	9.6%
Thép HRC (*)	▬	0.6%	2.2%	3.2%	2.6%
PVC (*)	▬	0.3%	-16.9%	12.7%	4.3%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	27.8%	108.6%	120.8%
Cao su thiên nhiên	▬	0.5%	10.1%	16.8%	24.5%
Bông Cotton	▼	-0.5%	13.1%	18.2%	10.5%
Đường	▬	0.1%	-12.4%	-9.5%	-24.2%
World Container Index	▼	-0.6%	2.7%	0.9%	1.8%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-0.4%	-8.5%	116.4%	150.8%
Vàng	▼	-1.03%	6.4%	8.6%	42.7%
Bạc	▼	-4.35%	7.5%	3.7%	121.3%

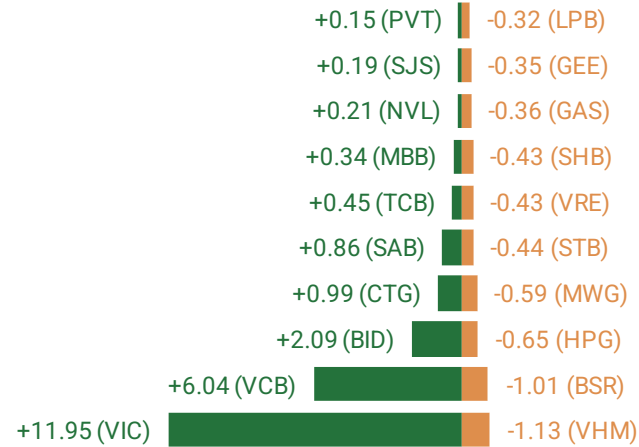
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

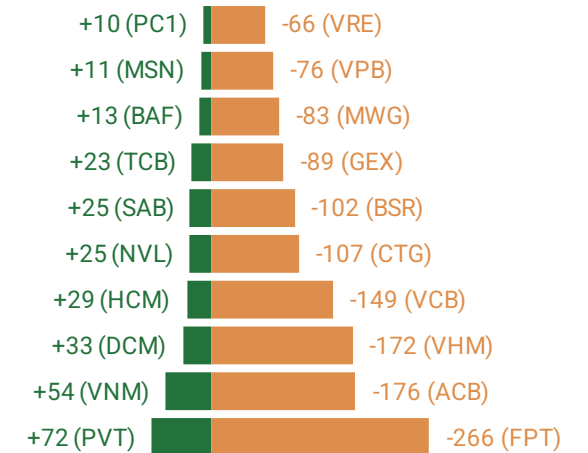
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



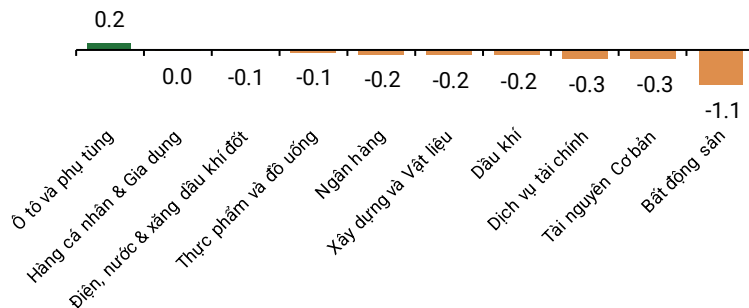
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



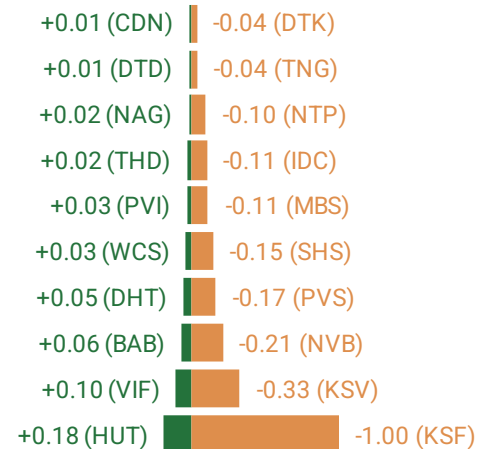
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



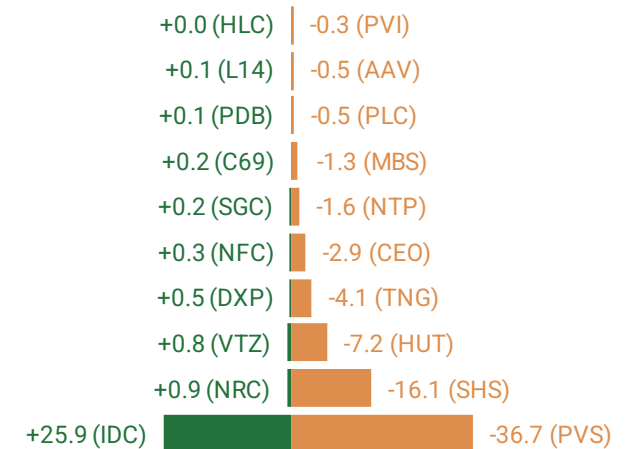
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



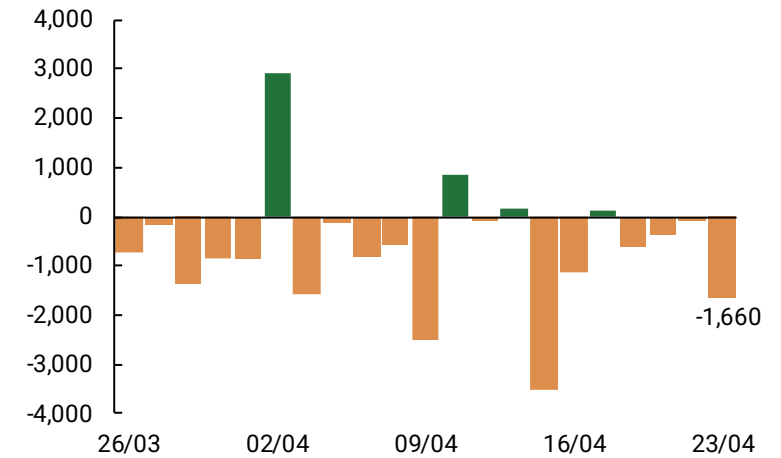
	VCB	SHB	HPG	BID	VIC
%DoD	5.7%	-2.6%	-1.4%	3.4%	3.5%
Giá trị	2,198	1,462	1,150	999	919

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	SHB	ORS	HDB	VIX
%DoD	3.5%	-2.6%	-1.9%	0.2%	-1.2%
Giá trị	836	265	194	174	157

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



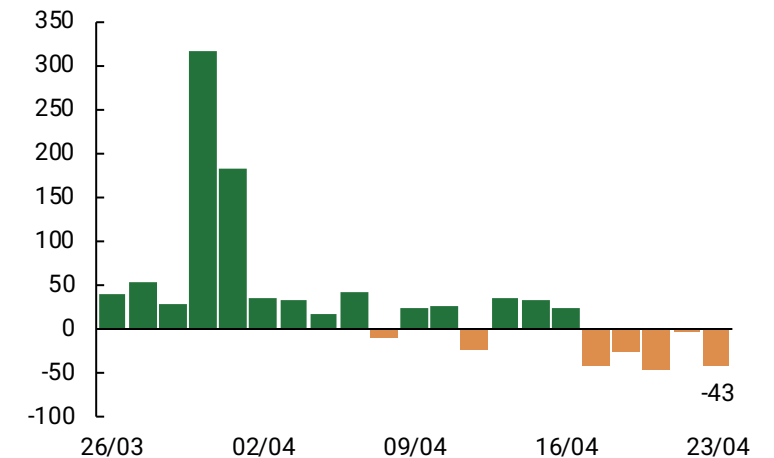
	SHS	PVS	CEO	IDC	MBS
%DoD	-1.7%	-1.6%	0.0%	-1.1%	-1.0%
Giá trị	223	209	166	85	70

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	IDC	KHS	SGH	TIG
%DoD	-1.7%	-1.1%	1.4%	0.0%	-1.5%
Giá trị	191	71	14	13	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Pin bar, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1760 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Dấu hiệu chứng lại rõ nét tại vùng cản 1880 điểm với mẫu hình nến pin bar cùng thanh khoản tăng cao. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI cũng đang tiếp cận mức quá mua 70, động lượng khả năng chứng lại nếu độ rộng thị trường không được cải thiện. Chỉ số có thể tiếp tục tăng rớt nhờ lực kéo ở nhóm trụ, tuy nhiên xu hướng này sẽ thiếu bền vững và rủi ro đảo chiều hiện hữu, mục tiêu kiểm định lại vùng 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến High wave, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1980 | 1920.
- ✓ Kháng cự: 2050 | 2100.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số có dấu hiệu chứng lại trong chiều đi lên, khi các mã trụ cột suy yếu. Đà tăng chủ yếu được thúc đẩy bởi nhóm Vingroup, nên rủi ro điều chỉnh hiện hữu khi các mã này mất đà. Trong trường hợp độ rộng không được cải thiện, rủi ro điều chỉnh về khu vực 1960 - 1980 điểm sẽ gia tăng.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	CTD	WATCH	Current price	86.70	P/E (x)	11.7
Exchange	HOSE		Watch zone	82 - 83	P/B (x)	1.0
Sector	Heavy Construction		Target price	92	EPS	7387.6
			Cut loss price	77	ROE	8.7%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Nến tăng Marubozu.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và vượt lên miền dương, cùng với RSI cũng giữ đà tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 trên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Giá phá vỡ kháng cự và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh kiểm định lại hỗ trợ 82 – 83.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CTD	Theo dõi	24/04/2026	86.70	82 - 83	-	92	11.52%	77	-6.67%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	27.95	28.5 - 29	-2.8%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	58.2	60.5 - 61	-4.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.2	17.1 - 17.3	0.3%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	27.8	27.6 - 27.8	0.4%	31	11.91%	26	-6.14%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2019.6, giảm 21.4 điểm (-1.1%). Thanh khoản tăng so với phiên trước và trên mức bình quân 20 phiên. Độ lệch basis 5.5 điểm (thấp hơn VN30 cơ sở). Áp lực điều chỉnh nhìn chung chiếm ưu trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ, chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, bên cạnh giá đang cho trạng thái tạo đỉnh thấp hơn, hàm ý xu hướng nghiêng về điều chỉnh.** Dù vậy, hoạt động ở các mã vốn hóa lớn vẫn còn chi phối mạnh, giá có thể kiểm định thêm vùng 2010 – 2030. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 2030. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2010, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục lùi về dưới ngưỡng 1986
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1936.7, tăng 2.8 điểm (+0.1%). Độ lệch basis 7.3 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 119 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1920 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950 điểm.

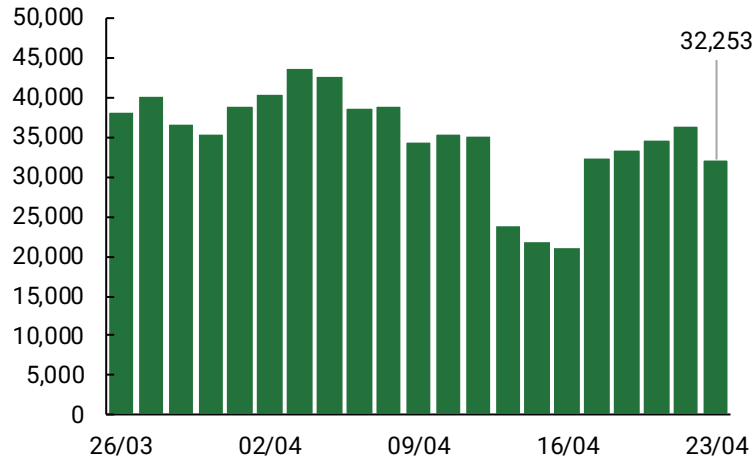
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2030	2045	2020	15 : 10
Short	< 2010	1995	2025	15 : 15
Short	< 1986	1970	1995	16 : 9

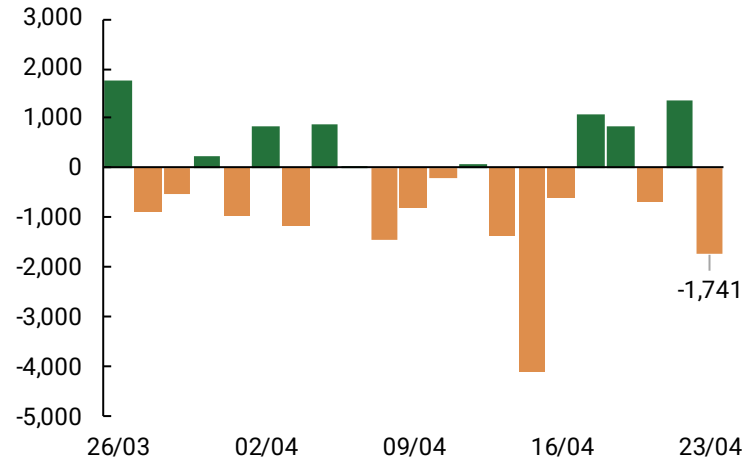
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,024.9	19.4	37	16	2,044.8	-19.9	17/12/2026	238
4111G9000	2,019.1	-17.8	82	308	2,037.1	-18.0	17/09/2026	147
4111G6000	2,017.9	-20.1	529	1,517	2,029.4	-11.5	18/06/2026	56
4111G5000	2,019.2	-21.4	348,345	32,253	2,027.1	-7.9	21/05/2026	28
4112G5000	1,936.7	2.8	119	19	1,946.3	-9.6	21/05/2026	28

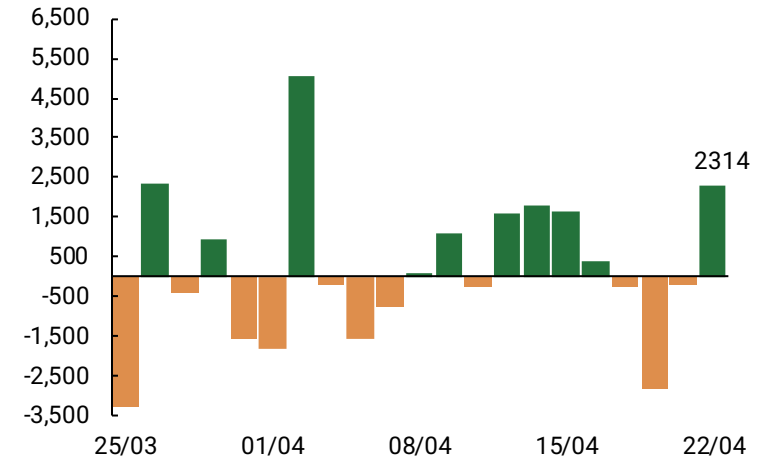
Khối lượng mở (Open interest)



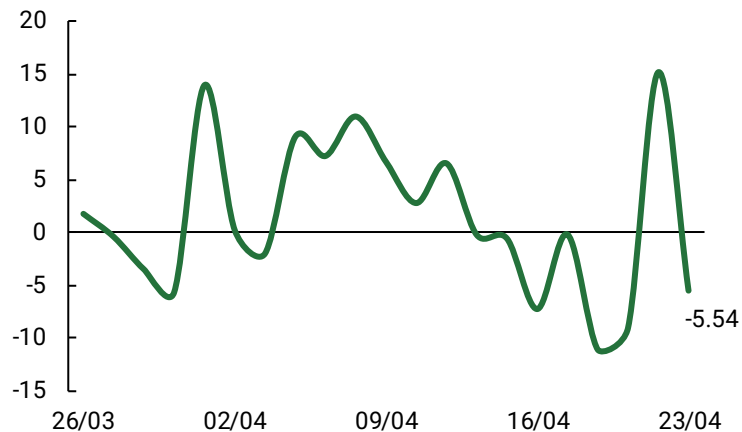
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



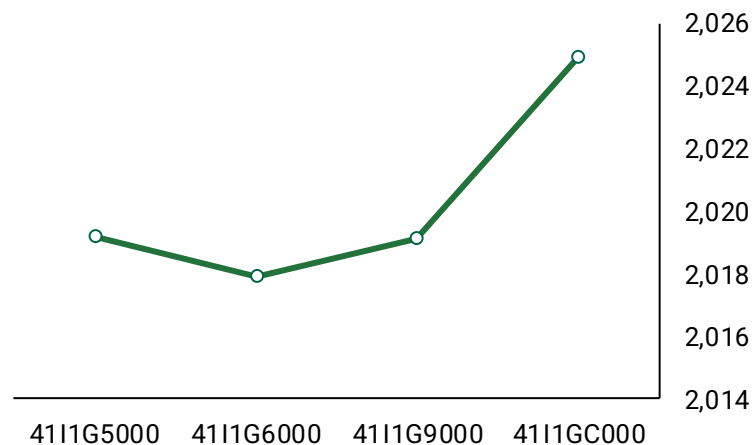
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



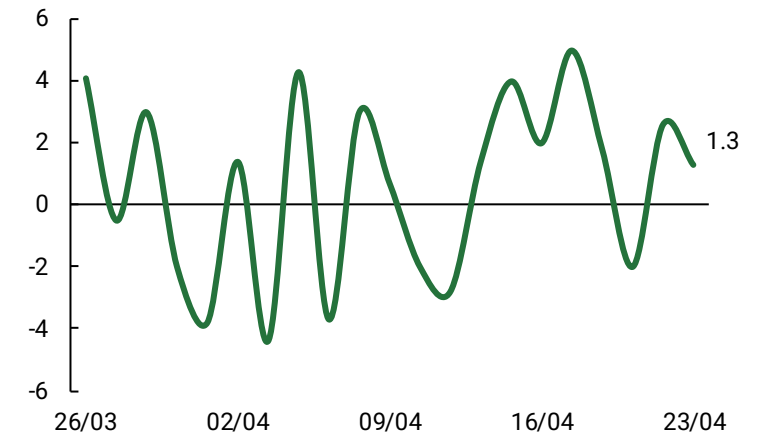
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/04 Vietnam & US - Chỉ số PMI
- 03/04 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 05/04 Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
- 06/04 Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
- 07/04 Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
- 09/04 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC
Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/04 Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
- 14/04 Mỹ - Chỉ số PPI
- 16/04 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
Trung Quốc – GDP Quý 1
- 28/04 Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
- 29 - 30/04 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất
Canada - BOC họp và công bố lãi suất

Mỹ để ngỏ khả năng đàm phán với Iran trong 36 - 72 giờ: Tổng thống Donald Trump cho biết một vòng đàm phán hòa bình mới giữa Mỹ và Iran “có thể” diễn ra trong vòng 36–72 giờ tới thậm chí sớm nhất vào ngày 24/4, trong bối cảnh Washington vừa gia hạn thỏa thuận ngừng bắn nhằm tạo điều kiện cho các nỗ lực ngoại giao.

Xung đột Trung Đông đẩy phí đi qua Kênh đào Panama lên mức kỷ lục: Phí đi qua Kênh đào Panama đã tăng vọt lên mức chưa từng có, khi nhu cầu dầu khí khẩn cấp từ châu Á buộc các hãng tàu phải tái định tuyến trong bối cảnh xung đột Trung Đông làm xáo trộn hoạt động vận tải toàn cầu.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FPT - Lãi ròng tăng hơn 14% quý đầu năm: Công ty cổ phần FPT công bố doanh thu quý đầu năm đạt 12,480 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,804 tỷ đồng, lần lượt tăng 8.7% và 16.3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lưu ý rằng FPT đã điều chỉnh số liệu so sánh đồng thời cả 2 kỳ khi không còn hợp nhất FPT Telecom. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 2,487 tỷ đồng, tăng trưởng 14.4%. Kết thúc 3 tháng đầu năm, doanh thu ký mới của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 13,833 tỷ đồng, tăng trưởng 22.2% so với cùng kỳ, cho thấy dấu hiệu phục hồi tích cực. FPT liên tục thắng thầu 8 dự án lớn (trên 10 triệu USD mỗi dự án), tăng 14.3% so với cùng kỳ.

ACB đạt 5,400 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong quý I/2026: Kết thúc quý I/2026, Ngân hàng TMCP Á Châu ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 5,400 tỷ đồng, tăng 55% so với quý trước và 17% so với cùng kỳ. Trong đó, Tổng thu nhập đạt 8,900 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ, với thu nhập lãi tăng 10% và thu nhập ngoài lãi tăng 23%, cho thấy cấu trúc thu nhập ngày càng cân bằng. Tổng tài sản của ACB tiếp tục gia tăng sau khi vượt mốc 1 triệu tỷ đồng. Cơ cấu tài sản duy trì lành mạnh với 97% là tài sản sinh lời.

HDC - Hodeco lãi đột biến quý I/2026: Theo đó, Hodeco ghi nhận doanh thu quý I đạt 248.7 tỷ đồng, tăng 151.3% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 58.37 tỷ đồng, tăng 327.6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 36.9%, lên 53.8%. Hoạt động kinh doanh quý I khởi sắc do thị trường bất động sản tại TP.HCM sôi động trở lại. Trong năm 2026, Hodeco đặt kế hoạch doanh thu 1,959 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 493 tỷ đồng.

OCB ghi nhận lợi nhuận quý I/2026 tăng 37% so với cùng kỳ: Quý I/2026, ngân hàng Phương Đông ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 1,224 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ. Tổng tài sản đạt 344,098 tỷ đồng, tăng 6.5% so với đầu năm và tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái. Huy động thị trường 1 đạt 232,284 tỷ đồng, tăng 5.1% so với đầu năm. Một trong những điểm sáng trong quý I là khả năng kiểm soát chi phí. Chi phí hoạt động chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên giảm đến 10% so với quý trước, kéo theo tỷ lệ CIR cải thiện đáng kể.

VOS - Vosco lãi trở lại trong quý I/2026: Theo đó, Công ty ghi nhận doanh thu trong quý đạt 709.04 tỷ đồng, tăng 53.4% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lãi 4.33 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 53.85 tỷ đồng. Điểm đáng lưu ý, trong quý đầu năm 2026, Vosco không còn kinh doanh dưới giá vốn, vì vậy ghi nhận lợi nhuận gộp dương 39.38 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 34.76 tỷ đồng, tức tăng thêm 74.14 tỷ đồng.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	54,300	73,400	35.2%	Mua
CTG	35,500	45,200	27.3%	Mua
CTD	86,700	82,900	-4.4%	Giảm tỷ trọng
DBD	49,850	68,000	36.4%	Mua
DDV	26,710	35,900	34.4%	Mua
DGW	44,600	48,500	8.7%	Nắm giữ
DPG	42,100	42,900	1.9%	Nắm giữ
DPR	40,450	46,500	15.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,999	17,200	32.3%	Mua
EVF	12,900	14,400	11.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	146,700	157,600	7.4%	Nắm giữ
GMD	74,200	77,000	3.8%	Nắm giữ
HAH	56,800	60,300	6.2%	Nắm giữ
HDG	26,650	34,000	27.6%	Mua
HHV	12,900	12,300	-4.7%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,800	34,300	23.4%	Mua
IMP	49,800	55,000	10.4%	Tăng tỷ trọng
KDH	25,600	38,800	51.6%	Mua
MCH	140,000	177,200	26.6%	Mua
MWG	84,500	99,600	17.9%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
NLG	27,950	39,900	42.8%	Mua
NT2	24,600	27,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
PHR	60,700	72,800	19.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	71,700	75,500	5.3%	Nắm giữ
PVS	37,400	39,900	6.7%	Nắm giữ
PVT	23,800	18,900	-20.6%	Bán
POW	12,750	15,000	17.6%	Tăng tỷ trọng
SAB	48,200	57,900	20.1%	Mua
SSI	27,950	32,100	14.8%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,250	50,900	3.4%	Nắm giữ
TCB	33,300	42,400	27.3%	Mua
TCM	23,150	37,900	63.7%	Mua
TRC	73,000	94,800	29.9%	Mua
VCB	62,800	84,200	34.1%	Mua
VPB	27,400	37,000	35.0%	Mua
VCG	22,700	26,200	15.4%	Tăng tỷ trọng
VHC	62,000	60,000	-3.2%	Giảm tỷ trọng
VNM	62,000	66,650	7.5%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415